

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST

Ngày: 09-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2. Ông Đoàn Thế Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/HSST-QĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Trung H, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1991, tại tỉnh T. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp Th, xã L, huyện BC, tỉnh T; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và vợ sau: Nguyễn Thị Đông B; con có 01 người; tiền án: Tại Bản án số 102/2015/HS-ST ngày 05-11-2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 04 tháng 28 ngày tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 70/QĐ-XPHC ngày 18-10-2020 của Công an xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); bị cáo bị tạm giữ ngày 28-12-2020, đến ngày 06-01-2021 bị tạm giam, ngày 05-3-2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh; bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Nguyễn Tấn P, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1984, tại tỉnh BL. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp B, xã TĐ, huyện GD, tỉnh T; nơi cư trú hiện nay: Ấp P, xã PT, huyện GD, tỉnh T; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn:

11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Võ Thị H (đã chết); vợ: Mai Hồng L1; con: có 01 người; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ ngày 28-12-2020, đến ngày 06-01-2021 bị tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Chị Trần Thị D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện GD, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện BC, tỉnh T.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện GD, tỉnh T.

Tạm trú: Ô 2/116B, khu phố H, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 28-12-2020, bị cáo Trần Trung H rủ bị cáo Nguyễn Tấn P đi cướp giật tài sản của người đi đường đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo P đồng ý. Bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 70K6-8418 chở bị cáo P chạy đến trước Công ty T thuộc ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, thì phát hiện chị Trần Thị D đang ngồi trên xe mô tô biển số 70F1-732.28 (do chồng là anh Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu xe) để nghe điện thoại. Bị cáo H kêu bị cáo P quay lại giật điện thoại của chị D. Khi thấy bị cáo H và bị cáo P quay xe lại, chị D cảnh giác cất điện thoại vào túi quần phía sau bên phải và rút chìa khóa xe bỏ vào túi áo khoác. Bị cáo P dừng xe lại, bị cáo H xuống xe đi đến dùng tay phải giữ đầu xe, tay trái nắm vị trí cầm chìa khóa xe của chị D nhưng không có chìa khóa. Bị cáo H áp sát người của chị D, rồi dùng tay không chế bẻ nghịch tay phải của chị D ra phía sau định lấy chìa khóa cướp xe của chị D nhưng không được. Bị cáo P nói với bị cáo H “giật xe không được thì giật điện thoại phía sau kia”. Nghe vậy, bị cáo H dùng tay lấy điện thoại Samsung Galaxy A20 của chị D ở túi quần sau. Sau khi lấy được điện thoại, bị cáo H điều khiển xe chở bị cáo P tẩu thoát được một đoạn thì bị cáo H đưa điện thoại cho bị cáo P giữ. Lúc này, chị D truy hô, cùng với anh Phạm Tấn Ph điều khiển xe đuổi theo. Khi thấy bị đuổi theo và sợ bị bắt nên bị cáo H kêu bị cáo P ném bỏ điện thoại cướp được, đồng thời có hành vi rút dây thắt lưng đánh và dùng chân đạp vào xe những người đuổi theo. Khi đến gần Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu thì bị cáo H và bị cáo P bị bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 08-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gò Dầu kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 70F1-732.28 trị giá 13.700.000 đồng và 01 điện thoại di

động hiệu Samsung Galaxy A20 trị giá 1.600.000 đồng, tổng giá trị là 15.300.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Trung Quốc, nhãn hiệu Sufat, màu đỏ, biển số 70K6-8418, số máy: VPJL1P50FMG056639, số khung: VPJDCG013PJ056639, dung tích xi lanh 97cm³ (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Mastel-A112, màu đen, loại bàn phím, Imei 1: 358246096988875, Imei 2: 358246096988883 (đã qua sử dụng, hư hỏng); 01 nón bảo hiểm màu xanh, viền vàng, chữ Empire (đã qua sử dụng); 01 nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng); 01 dây thắt lưng màu nâu không có mặt khóa (đã qua sử dụng); 01 cái áo tay dài màu đen, viền trắng (đã qua sử dụng) và 01 cái áo tay dài màu trắng-xám (đã qua sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Q là mẹ của bị cáo H đã bồi thường cho bị hại chị D số tiền 2.000.000 đồng như yêu cầu của chị D nên chị D làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện các bị cáo không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSGD ngày 25-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Tấn P về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

- Khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo P từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Ghi nhận bị hại, anh Trần Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn T trình bày: Ông là cha của bị cáo H và xe mô tô Trung Quốc biển số 70K6-8418 do ông đứng tên chủ xe mà ông cho bị cáo H mượn để sử dụng. Ông không biết bị cáo H sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện đi cướp tài sản của bị hại nên ông yêu cầu được nhận lại xe mô tô này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà là mẹ của bị cáo H và bà đã bồi thường cho bị hại với số tiền 2.000.000 đồng nên bà không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T trình bày: Anh là chồng của chị Trần Thị D và xe mô tô biển số 70F1-732.28 mà các bị cáo cướp là xe do anh đứng tên chủ xe nhưng chị D sử dụng để đi làm công nhân.

Anh và chị D đã nhận lại xe mô tô biển số 70F1-732.28 như trên nên anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 08 giờ ngày 28-12-2020 tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Tấn P đã có hành vi dùng vũ lực khống chế cướp xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 70F1-732.28 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20 của chị Trần Thị D có tổng trị giá 15.300.000 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do các bị cáo muốn có tiền để sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân, không chịu lao động lương thiện để sinh sống mà lại muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác và bất chấp pháp luật. Cho nên, cần xử phạt tù các bị cáo mới đủ sức răn đe và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, để cải tạo và giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Trong vụ án này các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ rõ ràng nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tính chất tổ chức và bị cáo H là người trực tiếp khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo P cũng như có sẵn phương tiện để đi cướp tài sản của người khác nhằm lấy

tiền chia nhau tiêu xài cá nhân nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Ngày 05-11-2015 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu ra Bản án số 102/2015/HS-ST xử phạt 04 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự nhưng chưa được xóa án tích mà bị cáo H lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là “Cướp tài sản” nên hành vi của bị cáo H thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Trần Thị D và anh Trần Văn T đã nhận lại xe mô tô bị cướp, đã được bà Nguyễn Thị Q bồi thường giá trị của điện thoại bị cướp với số tiền 2.000.000 đồng nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà bà Q đã bồi thường cho chị D nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô Trung Quốc, nhãn hiệu Sufat, màu đỏ, biển số 70K6-8418, số máy: VPJL1P50FMG056639, số khung: VPJDCG013PJ056639, dung tích xi lanh 97cm³ (đã qua sử dụng) của ông Trần Văn T (cha ruột của bị cáo H) nhưng ông T không biết các bị cáo sử dụng xe để đi cướp tài sản nên cần trả lại cho ông T.

- 01 điện thoại di động hiệu Mastel-A112, màu đen, loại bàn phím, Imei 1: 358246096988875, Imei 2: 358246096988883 (đã qua sử dụng, hư hỏng) của bị cáo P không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo P.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, viền vàng, chữ Empire (đã qua sử dụng), 01 dây thắt lưng màu nâu không có mặt khóa (đã qua sử dụng) và 01 cái áo tay dài màu trắng-xám (đã qua sử dụng) đều của bị cáo H; 01 nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng) và 01 cái áo tay dài màu đen, viền trắng (đã qua sử dụng) đều của bị cáo P đã không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31-3-2021)

[7] Xét toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Tấn P phạm tội “Cướp tài sản”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28-12-2020 đến ngày 05-3-2021.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-12-2020.

1.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị hại chị Trần Thị D và anh Trần Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà bà Q đã bồi thường cho chị D.

2.2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho ông Trần Văn T: 01 xe mô tô Trung Quốc, nhãn hiệu Sufat, màu đỏ, biển số 70K6-8418, số máy: VPJL1P50FMG056639, số khung: VPJDCG013PJ056639, dung tích xi lanh 97cm³ (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo P: 01 điện thoại di động hiệu Mastel-A112, màu đen, loại bàn phím, Imei 1: 358246096988875, Imei 2: 358246096988883 (đã qua sử dụng, hư hỏng).

Tịch thu và tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xanh, viền vàng, chữ Empire (đã qua sử dụng), 01 dây thắt lưng màu nâu không có mặt khóa (đã qua sử dụng) và 01 cái áo tay dài màu trắng-xám (đã qua sử dụng) đều của bị cáo H; 01 nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng) và 01 cái áo tay dài màu đen, viền trắng (đã qua sử dụng) đều của bị cáo P.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31-3-2021)

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo H và P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo và bà Nguyễn Thị Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh